TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án: 278/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 24-10-2019
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tài

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông La Văn Việt.

2. Bà Trương Thị Kim Cương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Quân - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 24 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 1000/2019/TLST-HNGĐ, ngày 17/9/2019 về việc "*ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 336/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 08/10/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1980, (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Minh G, sinh năm 1974, (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Cùng Ô 4, khu A, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/9/2019 và tại phiên Tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị P trình bày tóm tắt như sau:

Bà và ông Nguyễn Minh G có tìm hiểu nhau sau đó tiến tới hôn nhân, được hai bên tổ chức lễ cưới hỏi năm 1999, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện Đ, tỉnh L ngày 19/6/2006. Thời gian đầu vợ chồng sống chung hạnh phúc cho đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, là do ông G ghen tuông vô cớ, tình nghĩa vụ chồng rạng nứt, khó hàn gắn, bà và ông G đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay và mối quan hệ vợ chồng chấm dứt từ đó. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và cũng không thể hàn gắn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn với ông Nguyễn Minh G.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng chung sống có 04 con chung tên Nguyễn Trọng H, sinh năm 1999 đã trưởng thành, Nguyễn Trọng N, sinh năm 2002, Nguyễn Trọng P, sinh năm 2008 và Nguyễn Trọng T, sinh năm 2014. Hiện nay các con sống với bà, khi ly hôn bà yêu cầu tiếp tục nuôi các con chung không yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị P xác định, tài sản chung bà và ông G tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung không có.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, bị đơn ông Nguyễn Minh G được Tòa án tống đạt hợp lệ các thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông G không đến Tòa án để tham gia tiếp cận chứng cứ và hòa giải theo quy

định pháp luật nhưng ông G có ý kiến trình bày: Ông xác định còn thương vợ, thương con nên không đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng đoàn tụ, trường hợp Tòa án có căn cứ cho ly hôn thì con chung sống với ai người đó nuôi dưỡng, về tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có. Đối với bà Nguyễn Thị P, có đơn đề nghị Tòa án không hòa giải vụ án. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở trình bày của đương sự, qua thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Minh G có đơn xin xét xử vắng mặt, đơn hợp lệ nên chấp nhận. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Minh G cưới nhau vào năm 1999, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 19/6/2006 (số 78/2006) nên quan hệ hôn nhân của bà P và ông G được pháp luật thừa nhận là hợp pháp từ thời điểm đăng ký kết hôn.

Bà P cho rằng cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc là do ông G không quan tâm chăm sóc gia đình, ông G hay ghen tuông vô cớ, dẫn đến bất đồng quan điểm giữa bà P và ông G. Bà P và ông G đã ly thân và chấm dứt mối quan hệ vợ chồng từ năm 2018 cho đến nay. Ông G biết bà P yêu cầu ly hôn với ông tại Tòa án nhưng ông G không có mặt Tòa án giải hòa giải theo yêu cầu ly hôn của bà P, ông Giang có ý kiến trình bày không muốn ly hôn với bà P còn thương vợ con nên không muốn ly hôn, lời trình bày của ông G không được bà P chấp nhận tha thứ bỏ qua ông G và cương quyết ly hôn. Điều đó, chứng tỏ quan hệ hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận theo đơn yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị P đối với ông Nguyễn Minh G.

[3] Về quyền nuôi con chung: Khi ly hôn bà P yêu cầu được trực tiếp nuôi các con chung Nguyễn Trọng N, sinh năm 2002, Nguyễn Trọng P, sinh năm 2008 và Nguyễn Trọng T, sinh năm 2014, riêng Nguyễn Trọng H đã trưởng thành, khi ly hôn bà P không yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con chung. Việc sau khi ly hôn nuôi con chung ông G cho rằng các con có nguyện vọng theo ai thì người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng và chăm sóc. Xét thấy bà P có nguyện vọng yêu cầu xin được nuôi con sau khi ly hôn. Mặt khác, tại các biên bản tự khai của các cháu N, P đều có nguyện vọng sống với mẹ nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu của bà P về nuôi con chung sau khi ly hôn và việc cấp dưỡng nuôi con chung bà P không yêu cầu nên không đề cập xem xét đến.

[4] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Minh G thống nhất tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trường hợp sau này các bên không thỏa thuận được về tài sản chung cũng như quyền nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28 Điều 35, Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85 và Điều 86 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P đối với ông Nguyễn Minh G về việc yêu cầu xin ly hôn.

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị P được ly hôn với ông Nguyễn Minh G.

Về quyền nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị P được quyền trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Trọng N, sinh ngày 11 tháng 10 năm 2002, Nguyễn Trọng P, sinh ngày 10 tháng 4 năm 2008 và Nguyễn Trọng T, sinh ngày 17 tháng 7 năm 2014. Riêng Nguyễn Trọng H đã trưởng thành. Ông Nguyễn Minh G không cấp dưỡng nuôi con.

Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, khi cần thiết có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, sung ngân sách Nhà nước, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0003655 ngày 17/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hoà, tỉnh Long An để thi hành.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết công khai bản án.

"Trường hợp bản án hoặc quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án là 05 năm theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An
- VKSND huyện Đức Hòa
- Chi cục Thi hành án.
- UBND thị trấn Hậu Nghĩa
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Tài